

TUYỂN SINH VÀO CÁC TRƯỜNG CHUYÊN NGHIỆP Ở MIỀN NAM NHỮNG NGÀY ĐẦU SAU GIẢI PHÓNG

NGUYỄN THU VÂN*

Sau ngày đất nước hoàn toàn giải phóng 30/4/1975, cùng với việc khôi phục kinh tế, ổn định xã hội, chính quyền cách mạng miền Nam đặc biệt quan tâm đến việc đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục. Nghiên cứu tìm hiểu những nội dung liên quan đến cuộc tuyển sinh đầu tiên vào các trường chuyên nghiệp ở miền Nam sau ngày đất nước thống nhất, từ chủ trương tuyển sinh, hình thức tổ chức, xét chọn cho đến kết quả thi tuyển. Qua đó, nghiên cứu đóng góp thêm tư liệu về hoạt động giáo dục của cách mạng miền Nam trong một thời kỳ lịch sử.

Từ khóa: tuyển sinh, các trường chuyên nghiệp, thi sinh, miền Nam

Nhận bài ngày: 26/10/2023; *đưa vào biên tập:* 27/10/2023; *phản biện:* 12/11/2023; *duyet đăng:* 15/11/2023

1. DẪN NHẬP

Trước năm 1975, miền Nam Việt Nam là một trong những nơi có tỷ lệ dân số mù chữ cao nhất Đông Nam Á – với 20% dân số không biết đọc, biết viết; ngay tại Sài Gòn, cũng có tới 20 vạn người không biết đọc, biết viết (Trần Hữu Đính, 1985: 57). Ngày 30/4/1975, Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng, đất nước Việt Nam tái lập nền hòa bình thống nhất. Cùng với cả nước, chính quyền cách mạng và nhân dân miền Nam bắt tay khôi phục và phát triển kinh tế, xã hội với nhiều khó khăn

phức tạp. Trong tình hình mới, công tác giáo dục ở miền Nam giữ một vị trí đặc biệt quan trọng nhằm hoàn thành sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam, cùng với miền Bắc xã hội chủ nghĩa xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh (Chỉ thị số 221-CT/TW, 1975). Nhiệm vụ của ngành giáo dục lúc này không chỉ xây dựng nền giáo dục cách mạng, góp phần ổn định tình hình chung, đáp ứng yêu cầu học tập của mọi tầng lớp nhân dân mà quan trọng hơn là phải nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực mới, đáp ứng nhu cầu xây dựng và phát triển đất nước sau những năm

* Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

chiến tranh (Nguyễn Thị Phương Chi, 2020: 50).

Giáo dục chuyên nghiệp với tính chất đào tạo và định hướng nghề nghiệp trong tương lai, bao gồm các trường dạy nghề nhận học sinh tốt nghiệp phổ thông và thời gian học từ 1 năm đến 3 năm; hệ thống các trường trung học chuyên nghiệp nhận học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông học từ 1 đến 2 năm đào tạo các nghề về kinh tế, văn hóa, y tế, văn hóa nghệ thuật.

Thông qua việc khảo cứu tài liệu từ Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II và một số công trình, bài viết đã được xuất bản, nghiên cứu tìm hiểu về công tác tổ chức tuyển sinh vào các trường chuyên nghiệp miền Nam, cụ thể là cuộc tuyển sinh lần đầu tiên sau giải phóng (tháng 1/1976) ở các tỉnh Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ⁽¹⁾.

2. CÔNG TÁC TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG TUYỂN SINH VÀO CÁC TRƯỜNG CHUYÊN NGHIỆP MIỀN NAM

2.1. Công tác tổ chức

Ngày 17/6/1975, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ban hành hai chỉ thị về công tác giáo dục miền Nam: Chỉ thị số 221/CT-TW về công tác giáo dục ở miền Nam sau ngày hoàn toàn giải phóng và Chỉ thị số 222/CT-TW về công tác giáo dục đại học và chuyên nghiệp ở miền Nam.

Chỉ thị 221-CT/TW ngày 17/6/1975 của Ban Bí thư đề ra các mục tiêu: mau chóng đưa giáo dục miền Nam

trở lại hoạt động bình thường, cải tạo nền giáo dục cũ, xây dựng chế độ xã hội mới, nền giáo dục mới thống nhất trong cả nước, tích cực xóa nạn mù chữ, đẩy mạnh bổ túc văn hóa, phát triển mạnh và phân bố đều khắp các trường phổ thông, xóa bỏ trường tư, xây dựng bộ máy quản lý giáo dục các cấp... Do đó, trong những ngày đầu sau giải phóng, Bộ Giáo dục và Thanh niên⁽²⁾ đã nhanh chóng tiếp quản các cơ sở giáo dục ở miền Nam và tiến hành phong trào xóa nạn mù chữ, bổ túc văn hóa, tổ chức sinh hoạt chính trị cho giáo viên. Tính đến cuối năm 1975 toàn vùng Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ đã có gần nửa triệu người theo học bổ túc văn hóa, tăng 15 lần so với lúc mới giải phóng (Về công tác lao động năm 1975, Hồ sơ số 111). Trong khi đó, Chỉ thị số 222/CT-TW đề ra các nhiệm vụ: đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị, nâng cao trình độ giác ngộ cho giáo viên và học sinh, sửa đổi cơ cấu ngành học, hệ thống đào tạo của các trường đại học và trung học chuyên nghiệp ở miền Nam. Thực hiện chỉ thị này, công tác tuyển sinh tại các trường chuyên nghiệp và đại học ở miền Nam dưới sự chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Thanh niên được tiến hành song song với công tác xóa nạn mù chữ và bổ túc văn hóa.

Dưới sự chỉ đạo của Thứ trưởng Hoàng Xuân Tùy, Bộ Giáo dục và Thanh niên, Tiểu ban Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Bộ phận Trung học chuyên nghiệp nghiên cứu đưa ra những chủ trương, chính sách,

quy chế, nguyên tắc tuyển sinh; soạn thảo và phổ biến các văn bản, thông báo chung về công tác tuyển sinh đến các trường; in và phổ biến đầy đủ các biểu mẫu phục vụ cho kỳ tuyển sinh; tổ chức các cuộc họp với các Ty, Sở, Tổng cục, Bộ và trường để phổ biến, nắm tình hình về công tác tuyển sinh, sơ kết kỳ thi và phổ biến về công tác xét tuyển; làm việc trực tiếp với một số trường và các Bộ về công tác xét tuyển, điểm chọn. Trong những ngày thi, các cán bộ ngành giáo dục còn được phân công trực tiếp đến phối hợp, kiểm tra giám sát các điểm thi Trường Kỹ thuật và Nông lâm súc ở Biên Hòa, Long An, Mỹ Tho, Vĩnh Long, Sa Đéc và TPHCM.

2.2. Hoạt động tuyển sinh

2.2.1. Chỉ tiêu và trình độ tuyển sinh

Chỉ tiêu tuyển sinh vào các trường chuyên nghiệp căn cứ vào số lượng giáo viên, cơ sở vật chất trang thiết bị của trường. Căn cứ vào nhiệm vụ được giao và khả năng hiện tại của mỗi trường, Bộ Giáo dục và Thanh niên cho phép một số trường tuyển lớp 12, còn lại đa số tuyển lớp 9. Việc xét và quyết định chỉ tiêu tuyển sinh của trường do cơ quan cấp trên chủ quản (Ty Giáo dục, Ủy ban nhân dân Cách mạng tỉnh, Tổng cục có trường) tiến hành. Bộ Giáo dục và Thanh niên tham gia ý kiến và kiểm tra việc thực hiện theo chủ trương chung: các trường chỉ tuyển sinh với số lượng ít, chủ yếu tập trung củng cố và xây dựng các hoạt động của trường,

chuẩn bị cho các đợt tuyển sinh của những năm học sau.

Thi vào các trường chuyên nghiệp ở miền Nam có 2 loại trình độ:

- Hệ sơ cấp: tốt nghiệp hết lớp 9 phổ thông và tương đương (đối với hệ 12 năm); tốt nghiệp cấp II, lớp 7 phổ thông và tương đương (đối với hệ 10 năm).

- Hệ trung học: tốt nghiệp hết lớp 12 phổ thông và tương đương đối với hệ 12 năm, và tốt nghiệp cấp III, hết lớp 10 và tương đương với hệ 10 năm.

Tất cả thí sinh vào học tại các trường chuyên nghiệp cần phải qua kỳ thi tuyển theo quy định chung, phải thi đủ 3 môn tùy theo từng khối với hình thức thi viết.

Khối A: Toán, Lý, Hóa

Khối B: Toán, Hóa, Sinh

Khối C: Văn, Sinh ngữ, Địa (hệ 12 năm); Văn, Sử, Địa (hệ 10 năm)

Các trường cao đẳng sư phạm (đào tạo giáo viên cấp II) và các trường trung học sư phạm (đào tạo giáo viên cấp I) chỉ tuyển một trình độ: tốt nghiệp hết lớp 12 phổ thông và tương đương, hoặc tốt nghiệp cấp III phổ thông và tương đương. Đối tượng này chỉ thi 2 môn:

Khối A: Toán, Lý

Khối B: Hóa, Sinh

Khối C: Văn, Địa

2.2.2. Tổ chức thi tuyển và xét chọn

Bộ Giáo dục và Thanh niên chủ trương chọn học sinh trúng tuyển dựa trên tình hình cụ thể của mỗi trường (đề thi, kết quả thi, chỉ tiêu

tuyển sinh) nhưng vẫn phải đảm bảo đúng chủ trương chính sách và chất lượng đào tạo. Các trường đề nghị danh sách trúng tuyển, cơ quan chủ quản cấp trên của trường quyết định theo chủ trương và quy định thống nhất của Bộ Giáo dục và Thanh niên. Học sinh nộp đơn và thi ở trường nào cấp học nào nếu đậu thì học ở trường đó và cấp đó, không chuyển trường và không chuyển cấp. Nguyên tắc chung là không lấy học sinh thi rớt đại học xuống học trung học. Bộ Giáo dục và Thanh niên chủ trương mỗi hệ (10 năm, 12 năm) có đề thi riêng. Từng trường tổ chức thi đề thi riêng của mình (không có đề thi chung cho tất cả các trường), và cấp trên chủ quản trực tiếp của trường xét duyệt.

Đề thi ra giới hạn trong nội dung chương trình của lớp cuối mỗi cấp và của mỗi hệ:

- Lớp 9 đối với hệ sơ cấp, lớp 12 đối với hệ trung cấp (hệ 12 năm)
- Lớp 7 đối với hệ sơ cấp, lớp 10 đối với hệ trung cấp (hệ 10 năm)

Nội dung đề thi phù hợp với trình độ học sinh trung bình, thời gian thi cùng ngày với thi đại học để tránh tình trạng học sinh thi cả hai cấp trung, sơ cấp và đại học; hạn chế ảnh hưởng đến các trường phổ thông (vì những trường đại học và chuyên nghiệp đều mượn lớp học của các trường phổ thông để thi), đồng thời rút ngắn thời gian phục vụ cho việc thi cử.

Việc xét tuyển được thực hiện theo 2 loại: Ưu tiên và xếp hạng.

* Ưu tiên: những thí sinh là cán bộ cách mạng, chiến sĩ các lực lượng vũ trang nhân dân và gia đình có công với cách mạng nếu kết quả thi đạt điểm tốt tối thiểu thì trúng tuyển và được xét trước.

* Xếp hạng: những thí sinh ngoài diện trên, lấy từ điểm cao nhất trở xuống, theo số lượng dự tuyển. Điểm của học sinh cuối trúng tuyển của loại này phải cao hơn điểm của loại ưu tiên.

Trong quá trình xét chọn, những học sinh nữ học ban Kỹ thuật toán và ban Nông lâm súc khi thi vào các trường kỹ thuật và trường nông nghiệp sẽ được ưu tiên, xét tuyển trước nếu có lý lịch và điểm thi tốt (Về công tác lao động năm 1975, Hồ sơ số 111).

Dựa vào khả năng thực tế của từng trường, số lượng giáo viên, trang thiết bị, cơ sở vật chất và nhu cầu của địa phương, Bộ Giáo dục và Thanh niên, các Sở, Ty cơ quan quản lý sẽ quyết định số lượng tuyển sinh.

Tổng số học sinh dự định tuyển vào 55 trường là 12.388 học sinh (Bảng 1).

Qua số liệu cho thấy, về cơ cấu tuyển sinh, khối thi gồm các ngành như Y tế, Sư phạm, Thể dục Thể thao chiếm tỷ lệ cao nhất với 54,1% và tất cả đều đào tạo ở hệ trung cấp. Khối Kỹ thuật có tỷ lệ thấp nhất với chỉ 19,8% và đa số được dành cho hệ đào tạo sơ cấp.

Bảng 1. Dự kiến số lượng tuyển sinh

Khối	Số học sinh dự kiến tuyển	Tỷ lệ so với tổng số học sinh dự kiến tuyển	Chia ra	
			Hệ trung cấp	Hệ sơ cấp
Nông nghiệp	3.230	26,1%	1.050	2.180
Kỹ thuật	2.455	19,8%	635	1.820
Khối khác (Y tế, Sư phạm, Thể dục Thể thao, Văn hóa Nghệ thuật)	6.703	54,1%	6.703	0
Tổng số	12.388	100%	8.388	4.000

Nguồn: Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Hồ sơ số 103.

2.2.3. Số trường và thí sinh dự thi

Tổng số trường chuyên nghiệp có tuyển sinh là 55 trường gồm:

- 19 trường thuộc khối Nông nghiệp
- 15 trường thuộc khối Kỹ thuật
- 21 trường thuộc khối khác (Y tế, Sư phạm, Thể dục Thể thao).

Tổng số các trường tuyển sinh hệ trung cấp và sơ cấp gồm:

- 23 trường tuyển sinh hệ trung cấp (15 trường sư phạm, 1 trường y tế, 3 trường nông nghiệp và 4 trường thể dục thể thao).

- 8 trường tuyển sinh cả hai hệ trung cấp và sơ cấp (6 trường kỹ thuật và 2 trường nông nghiệp).

- 24 trường tuyển sinh hệ sơ cấp (14 trường nông nghiệp và 10 trường kỹ thuật).

Bảng 2. Thống kê thành phần đối tượng dự thi

Khối	Số trường có số liệu thống kê so với số trường có tuyển sinh	Thành phần dự thi								Tổng số
		Bộ đội	Cán bộ	Dân tộc	Gia đình liệt sĩ	Gia đình cách mạng ⁽³⁾	Gia đình có công với cách mạng ⁽⁴⁾	Gia đình lao động	Con sĩ quan chế độ cũ	
Nông nghiệp	13/19	5	12	5	2	8	19	801	12	864
Kỹ thuật	8/15	-	-	2	2	499	-	777	16	1.296
Văn xã (Sư phạm, Y tế, Thể dục Thể thao, Văn hóa Nghệ thuật)	7/21	24	12	-	1	325	-	822	-	1.184
Tổng số	28/55	29	24	7	5	832	19	2.400	28	3.344
	51%	0,87%	0,72%	0,2%	0,1%	24,9%	0,57%	71,8%	0,84%	100%

Nguồn: Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Hồ sơ số 103.

Tổng số có 20.550 thí sinh (dựa theo giấy gọi thi) gồm:

- Khối Nông nghiệp có 3.971 thí sinh nộp đơn, tỷ lệ 19,3% so với tổng số thí sinh nộp đơn.
- Khối Kỹ thuật có 7.290 thí sinh nộp đơn, tỷ lệ 35,5%.
- Khối khác (Y tế, Sư phạm, Thể dục thể thao) có 9.289 thí sinh nộp đơn, tỷ lệ 45,2%.

Tổng số thí sinh đã dự thi của 49/55 trường là 14.334 thí sinh gồm:

- 2.987 thí sinh khối Nông nghiệp, tỷ lệ 20,8%.
- 5.802 thí sinh khối Kỹ thuật, tỷ lệ 40,5%.
- 5.545 thí sinh khối khác, tỷ lệ 38,7%.

Số liệu Bảng 2 cho thấy hai đối tượng dự thi chiếm đa số đó là đối tượng thuộc gia đình lao động (71,8%) và đối tượng thuộc gia đình cách mạng (24,9%). Trong bảng số liệu này có một chi tiết đáng chú ý là số đối tượng dự thi là con sĩ quan chính quyền Sài Gòn lại cao hơn các đối tượng thuộc các nhóm khác thuộc đối tượng cán bộ và gia đình liệt sĩ.

2.2.4. Đề thi và hình thức thi

Mỗi trường có bộ phận chuyên trách đề thi trong Ban tuyển sinh của trường. Các trường tự tổ chức soạn đề thi và đề nghị lên Ty, Tổng cục chủ quản duyệt. Nội dung đề thi ở mức độ trung bình, bám sát kiến thức căn bản, phù hợp với nội dung trong chương trình học. Hầu hết các trường đều chuẩn bị hai loại đề thi riêng cho hệ 10 năm và

hệ 12 năm. Một số trường làm một đề thi cho chung cả hai hệ 10 năm và 12 năm. Đề thi được bảo mật từ khi soạn thảo đến lúc thi.

Các trường tổ chức thi vào ngày 3 và 4/1/1976. Có hai trường hợp đặc biệt: Trường Trung học Lâm nghiệp Bình Dương (Thủ Dầu Một) do công tác chuẩn bị không kịp và Trường Nông nghiệp Bảo Lộc (Lâm Đồng) do học sinh dân tộc ít người ở xa không về kịp nên ngày thi tổ chức chậm hơn vào ngày 25/1/1976.

Số thí sinh dự kỳ thi ít hơn số nộp đơn, có một số trường số thí sinh dự thi ít hơn tổng số dự tuyển. Tổng số thí sinh nộp đơn là 20.550 người; tổng số thí sinh dự thi chỉ 14.334 do những lý do sau:

- Nhiều học sinh lớp 12, lớp 10 (hệ 10 năm) vừa nộp đơn thi vào trường chuyên nghiệp vừa nộp đơn thi vào trường đại học. Nhưng vì trường đại học và các trường chuyên nghiệp thi cùng ngày, nên một số học sinh chọn thi đại học.

- Một số trường phổ thông không chủ trương cho học sinh thi trung học chuyên nghiệp (vì sợ ảnh hưởng đến chỉ tiêu của trường) nên không cấp chứng chỉ, không cho nghỉ học để thi (các trường chuyên nghiệp tổ chức thi cùng thời điểm các trường phổ thông đang học năm học mới); hoặc một số trường có quy định nếu học sinh thi không đậu trung học chuyên nghiệp sẽ không được trở lại học ở trường phổ thông.

- Nhiều học sinh ở xa, gia đình nghèo không tham gia dự thi với lý do trường không có nội trú, chưa giải quyết được học bổng.

Trong những ngày thi các trường được chính quyền địa phương hỗ trợ; an ninh địa phương và tự vệ nhà trường canh gác cả ngày lẫn đêm. Trật tự an ninh và y tế được bảo đảm nên các điểm thi diễn ra an toàn, công tác coi thi được thực hiện chặt chẽ, nghiêm túc; thái độ học sinh của các trường trong suốt kỳ thi nghiêm túc, rất ít trường hợp vi phạm quy chế thi.

Bảng 3. Kết quả điểm thi

Khối	Số trường có số liệu thống kê so với số trường có tuyển sinh	0 điểm	Trên 0 điểm đến dưới 5 điểm (Học sinh)	Từ 5 điểm đến dưới 10 điểm	Từ 10 điểm đến 15 điểm	Trên 15 điểm	Tổng số
Nông nghiệp	12/19	7	323	243	148	50	771
		0,91%	41,9%	31,5%	19,2%	6,49%	100%
Kỹ thuật	8/15	61	1.839	535	744	68	3.247
		1,9%	56,6%	16,5%	23%	2%	100%
Văn xã (Sư phạm, Y tế, Thể dục Thể thao, Văn hóa Nghệ thuật)	1/21	11	-	644	153	51	859
		1,3%	-	75%	17,8%	5,9%	100%
Tổng số	21/55	79	2.162	1.422	1.045	177	4.877
		1,6%	44,3%	29,1%	21,4%	3,6%	100%

Nguồn: Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Hồ sơ số 103.

Bảng số liệu trên cho thấy hơn 45% số thí sinh có điểm thi dưới 5 điểm, trong đó số thí sinh thi vào khối kỹ thuật có điểm dưới 5 cao nhất với tỷ lệ là 58,5%. Nếu tính số thí sinh đạt từ 5 điểm trở lên thì khối văn xã chiếm tỷ lệ cao nhất với 98,7%, kế đến là khối nông nghiệp với 57,19% số thí sinh đạt từ 5 điểm trở lên.

Trên cơ sở điểm thi, nhiều tỉnh và một số Tổng cục đã đề xuất:

2.2.5. Công tác xét tuyển và xét chọn của các trường

Việc xét tuyển được quán triệt theo đường lối chủ trương chính sách của cách mạng trong công tác tuyển sinh, đồng thời đảm bảo chất lượng đào tạo của trường. Việc xét chọn căn cứ vào lý lịch hồ sơ của thí sinh và kết quả điểm trong kỳ thi.

Kết quả điểm thi khá thấp dù học sinh đều thừa nhận đề bài không khó, vừa phải. Các trường và các Tổng cục, Ty Giáo dục cho rằng do học sinh yếu và chưa được ôn tập kỹ trước khi đi thi.

+ Đối với thí sinh trong diện ưu tiên thì lấy từ điểm 3, 4 (3/30, 4/30) trở lên. Có Tổng cục số cán bộ, bộ đội phục vụ cơ quan của trường, Tổng cục (Tổng cục Cơ khí Luyện kim) thì lấy hết dù là không điểm hay không thi đủ 3 môn. Thí sinh trong diện ưu tiên của ngành Sư phạm thi hai môn cũng lấy điểm như vậy.

+ Một số tỉnh, Tổng cục đề nghị sẽ tuyển hết những thí sinh trong diện ưu tiên dù điểm thi là bao nhiêu.

+ Tổng cục Lâm nghiệp đề nghị những thí sinh đạt từ 3 điểm trở xuống thì học 3 năm, số thí sinh đạt từ 4 điểm trở lên thì học 2 năm.

+ Đối với những thí sinh không trong diện ưu tiên: cố gắng lấy đạt chỉ tiêu, do đó thí sinh điểm thấp nhất được lấy không hơn điểm tối thiểu được lấy của số thí sinh diện ưu tiên.

Sau khi tham khảo các ý kiến, Bộ Giáo dục và Thanh niên đề nghị:

- Về thành phần, lý lịch: Nghiêm túc thực hiện đúng chủ trương, chính sách đã quy định. Những thí sinh đủ điểm thi cao nhưng lý lịch trong diện không xét thì sẽ không lấy.

- Về số điểm: Căn cứ vào chủ trương, quy định chung và kết hợp tình hình cụ thể của từng trường để đề ra điểm xét chọn thích hợp theo nguyên tắc, điểm được chọn không được quá cao và ngược lại cũng không nên quá thấp,

không chạy theo chỉ tiêu dự tuyển hạ thấp điểm.

- Đối với số thí sinh trong diện ưu tiên:

+ Điểm tối thiểu không thể lấy dưới điểm 5 (5/30), thống nhất nên xác định điểm tối thiểu từ điểm 5 trở lên đến điểm 10, và phải thi đủ 3 môn không có điểm 0.

+ Chỉ có một loại ưu tiên theo quy định chung không có trường hợp ngoại lệ như một số nơi đề nghị.

+ Những thí sinh trong diện ưu tiên, không đậu trong kỳ thi này thì nhà trường sẽ tổ chức ôn tập văn hóa để kiểm tra và thi lại kỳ thi sau.

- Đối với số thí sinh ngoài diện ưu tiên: Điểm của thí sinh cuối cùng được lấy phải cao hơn điểm tối thiểu của thí sinh trong diện ưu tiên từ 2 điểm đến 4 điểm và thi đủ 3 môn, không có điểm 0.

Bảng 4. Số trường có tuyển sinh, số thí sinh dự thi sẽ dự tuyển và số trúng tuyển năm 1976

Khối	Số trường có tuyển sinh	Số thí sinh			Số dự tuyển	Số trúng tuyển	Số trường đã có kết quả tuyển sinh
		Nộp đơn	Dự thi	Tỷ lệ dự thi so với tổng số thí sinh			
Nông nghiệp	19	3.971	2.987	21%	3.230	976	12
Công nghiệp	15	7.290	5.802	40,5%	2.455	2.066	11
Văn xã (Sư phạm, Y tế, Thể dục Thể thao, Văn hóa Nghệ thuật)	21	9.289	5.545	38,5%	6.703	1.402	10
Tổng số	55	20.550	14.334	100%	12.388	4.444	33

Nguồn: Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Hồ sơ số 103.

Số liệu Bảng 4 cho thấy, đối với số trường đã có kết quả tuyển sinh thì tỷ

lệ trúng tuyển trên số thí sinh dự tuyển là 35,87%. Nếu tính theo khối thì khối

văn xã có tỷ lệ trúng tuyển thấp nhất với chỉ 20,91% thí sinh trúng tuyển trên tổng số dự tuyển; khối nông nghiệp có tỷ lệ trúng tuyển là 30,2% và khối kỹ thuật có tỷ lệ trúng tuyển cao nhất với 84,15%.

Mặc dù còn nhiều hạn chế do điều kiện vừa sau chiến tranh nhưng công tác tuyển sinh vào các trường chuyên nghiệp ở miền Nam cơ bản đã đáp ứng yêu cầu về chính trị, thực hiện chính sách của Đảng và Nhà nước theo tinh thần Chỉ thị số 221-CT/TW ngày 17/6/1975: Hoàn thành nhiệm vụ tuyển sinh năm học 1975-1976.

3. KẾT LUẬN

Ngay sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng, chủ trương xây dựng nền

giáo dục cách mạng ở miền Nam đã được Trung ương Đảng đưa ra nhằm ổn định tình hình xã hội và tạo điều kiện cho người dân học tập. Được sự quan tâm, lãnh đạo của Trung ương Đảng, với sự cố gắng hợp tác giữa các cơ quan chỉ đạo và nhà trường, sự chấp hành nghiêm chỉnh của các địa phương, công tác tổ chức tuyển sinh vào các trường học nói chung và các trường chuyên nghiệp nói riêng ở miền Nam được tiến hành thống nhất, khẩn trương, khoa học. Công tác tuyển sinh tại các trường chuyên nghiệp đã góp phần đào tạo, cung cấp cho xã hội một lực lượng trí thức, lao động phục vụ cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. □

CHÚ THÍCH

(1) Trong kháng chiến chống Mỹ, chiến trường miền Nam (từ nam vĩ tuyến 17 trở vào gọi là chiến trường B) được tổ chức thành 4 khu vực với các mật danh B1, B2, B3, B4. Trong đó, B2 bao gồm khu vực Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ (các tỉnh từ Ninh Thuận, Bình Thuận, Lâm Đồng vào đến Cà Mau) (Hồ Sơn Đài, 2023: 15).

(2) Bộ Giáo dục và Thanh niên được thành lập năm 1969 dưới sự quản lý của Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam.

(3) Gia đình cách mạng là gia đình trực tiếp hoạt động cách mạng (trực tiếp tham gia các hoạt động cách mạng).

(4) Gia đình có công với cách mạng là gia đình có các thành viên tham gia cách mạng và đạt được thành tích trong hoạt động cách mạng.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. “Chỉ thị về công tác giáo dục ở miền Nam sau ngày hoàn toàn giải phóng”. <https://dangcongsan.vn/doi-moi-can-ban-va-toan-dien-giao-duc-dao-tao/duong-loi-chinh-sach/chi-thi-ve-cong-tac-giao-duc-o-mien-nam-sau-ngay-hoan-toan-giai-phong-347264.html>, truy cập ngày 05/7/2021.
2. Hồ Sơn Đài. 2023. *Báo Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam (1963 - 1975)*. TPHCM: Nxb. Tổng hợp TPHCM.

3. Nguyễn Thị Phương Chi (chủ biên). 2020. *Lịch sử giáo dục Việt Nam từ năm 1975 đến năm 2000*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
4. Trần Hữu Đính. 1985. “Mười năm cải tạo và xây dựng văn hóa - giáo dục ở miền Nam (1975-1985)”. *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 223, tr. 54-63, 75.
5. *Về công tác giáo dục năm 1976*. Phong Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Hồ sơ số 103.
6. *Về công tác lao động năm 1975*. Phong Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Hồ sơ số 111.